

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Phát triển nhà ở đô thị tại thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk”**

**CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;*

*Căn cứ Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư dự án có sử dụng đất Dự án Phát triển nhà ở đô thị tại thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk;*

*Xét Công văn số 31/STNMT-MT ngày 05/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường “Về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Dự án Phát triển nhà ở đô thị tại thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk” và Văn bản số 97/2023/CV-VH/DA5 đề ngày 21/3/2023 của Công ty Cổ phần Thương mại - Quảng cáo - Xây dựng - Địa ốc Việt Hân “Về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Phát triển nhà ở đô thị tại thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 84/TTr-STNMT ngày 10 / 4 /2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Phát triển nhà ở đô thị tại thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Thương mại - Quảng cáo - Xây dựng - Địa ốc Việt Hân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Tổ dân phố 9, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Krông Pắc;
- Công ty Cổ phần TM QC XD Địa ốc Việt Hân (Đ/c: Số 202 Hồ Tùng Mậu, P. Phú Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT ( H. 06b)

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Cảnh**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
CỦA DỰ ÁN “PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔ THỊ TẠI THỊ TRẤN PHƯỚC AN,  
HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK”**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023  
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên Dự án: Phát triển nhà ở đô thị tại thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Địa điểm thực hiện dự án: Tổ dân phố 9, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại - Quảng cáo - Xây dựng - Địa ốc Việt Hân.

- Địa chỉ liên lạc: Số 202 Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Quy mô diện tích 17,02 ha.

- Quy mô dân số khoảng 3.000 - 4000 người.

- Mục tiêu: Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình thuộc dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đông Bắc thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, gồm có:

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: San nền; hệ thống đường giao thông; hệ thống thoát nước mưa; thoát nước thải bao gồm cả hệ thống xử lý nước thải công suất 475 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; cây xanh.

+ Xây dựng các hạng mục công trình: Nhà liền kề (diện tích 48.659,93 m<sup>2</sup>); nhà liền kề thương mại (diện tích 26.563,27 m<sup>2</sup>); nhà biệt thự (diện tích 6.406,81 m<sup>2</sup>); khu thương mại dịch vụ - 01 (diện tích 4.033,59 m<sup>2</sup>); nhà văn hóa (diện tích 1.892,03 m<sup>2</sup>); nhà mẫu giáo (diện tích 4.077,36 m<sup>2</sup>).

- Thời gian thực hiện Dự án: 47,3 tháng (theo Hợp đồng thực hiện dự án đầu tư số 03/HĐ-SXD ngày 16/02/2022 giữa UBND tỉnh Đắk Lắk và Công ty Cổ phần Thương mại - Quảng cáo - Xây dựng - Địa ốc Việt Hân).

- Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường không bao gồm: Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng; hoạt động khai thác và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu phục vụ thi công Dự án; hoạt động xây dựng tại khu đất thương mại dịch

vụ - 02 và đất cây xanh - mặt nước, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của các nhà đầu tư thứ cấp trong khu vực Dự án.

### 1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

#### 1.3.1. Quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng của Dự án được thực hiện theo Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Đông Bắc thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Stt	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Đất ở</b>	<b>81.666,01</b>	<b>47,98</b>
1	Đất ở liền kề	48.695,93	28,61
2	Đất ở liền kề thương mại	26.563,27	15,61
3	Biệt thự	6.406,81	3,76
<b>II</b>	<b>Đất công trình công cộng</b>	<b>13.634,92</b>	<b>8,01</b>
1	Đất giáo dục	4.770,36	2,80
2	Đất thương mại - dịch vụ 01	4.033,59	2,37
3	Đất thương mại - dịch vụ 02	2.938,94	1,73
4	Đất văn hóa - Câu Lạc bộ	1.892,03	1,11
<b>III</b>	<b>Đất cây xanh</b>	<b>25.505,26</b>	<b>14,99</b>
1	Đất cây xanh - mặt nước 01	16.687,69	9,81
2	Đất cây xanh - mặt nước 02	8.817,57	5,18
<b>IV</b>	<b>Đất giao thông, hạ tầng</b>	<b>49.399,42</b>	<b>29,02</b>
	<b>Tổng</b>	<b>170.205,61</b>	<b>100,00</b>

#### 1.3.2. Các hạng mục công trình xây dựng:

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: San nền (diện tích khoảng 114.133,35 m<sup>2</sup>); hệ thống đường giao thông (giao thông đối ngoại gồm 03 trục đường N1, N9, D9; giao thông nội bộ gồm 16 trục đường từ N2 đến N10 và từ D1 đến D8, tổng chiều dài tuyến khoảng 5.280,33 m); hệ thống thoát nước mưa; thoát nước thải bao gồm cả trạm xử lý nước thải (công suất 475m<sup>3</sup>/ngày.đêm); hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; cây xanh.

- Các công trình nhà ở: Xây dựng hoàn thiện các công trình nhà ở gồm: Nhà liền kề (từ LK 01 đến LK 20) 468 căn, diện tích khoảng 48.695,93 m<sup>2</sup>; nhà liền kề thương mại (từ LKTM 01 đến LKTM 15) 237 căn, diện tích khoảng 26.563,27 m<sup>2</sup>; nhà biệt thự (từ BT 01 đến BT 03) 25 căn, diện tích khoảng 6.406,81 m<sup>2</sup>.

- Công trình thương mại - dịch vụ (TMDV-01): Xây dựng 01 khu thương mại dịch vụ với quy mô 03 tầng, diện tích khoảng 4033,59 m<sup>2</sup>.

- Công trình văn hóa (VH-CLB): Xây dựng 01 nhà văn hóa với quy mô 02 tầng, diện tích khoảng 1.892,03 m<sup>2</sup>.

- Công trình giáo dục (GD): Xây dựng 01 nhà mẫu giáo với quy mô 02 tầng, diện tích khoảng 4.770,36 m<sup>2</sup>.

### *1.3.3. Các hoạt động của dự án đầu tư:*

- + Hoạt động phát quang, đào đắp, san gạt mặt bằng;
- + Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị;
- + Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án;
- + Hoạt động sinh hoạt của công nhân;
- + Hoạt động của dân cư trong khu vực dự án;
- + Hoạt động vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật.

## **1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, với diện tích chuyển đổi là 0,4531 ha.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Hoạt động phát quang, đào đắp, san gạt mặt bằng; vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị; thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án làm phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và hệ thống giao thông khu vực Dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân làm phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

### **2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành**

- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu dân cư: Phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại, bụi, khí thải.

- Hoạt động xây dựng các công trình thương mại – dịch vụ, công trình công cộng, sửa chữa nhà ở của người dân... tại khu vực Dự án: Phát sinh nước thải, tiếng ồn, bụi, khí thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Hoạt động duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật: Phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Nước thải, khí thải**

### 3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

#### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân, phát sinh khoảng 10 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị phục vụ thi công, xây dựng, phát sinh khoảng 1-2 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, đất, cát.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích dự án với lưu lượng lớn nhất khoảng 1.789 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát.

#### b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày của người dân trong khu đô thị, khu vực thương mại – dịch vụ, khu vực trường mầm non và khu vực nhà văn hóa với lưu lượng tối đa khoảng 392,3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích dự án với lưu lượng lớn nhất khoảng 5.083,3 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát.

### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động phát quang; đào đắp, san gạt mặt bằng; tập kết nguyên vật liệu; các phương tiện vận chuyển và hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án. Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOCs.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ quá trình xây dựng các công trình thương mại – dịch vụ, công trình công cộng, sửa chữa nhà ở của người dân; hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động đun nấu thức ăn, từ trạm xử lý nước thải tập trung, khu tập kết chất thải rắn tạm thời. Các thông số ô nhiễm gồm bụi CO, SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, VOC, H<sub>2</sub>S,...

## 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

### 3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh tối đa khoảng 55 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh tối đa khoảng 7.605 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

### 3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

#### a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Phế liệu xây dựng từ quá trình phá dỡ nhà ở hiện trạng trên đất phát sinh với khối lượng khoảng 62,77 tấn.

- Sinh khối thực vật từ quá trình phát quang, giải phóng mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 85,6 tấn.

- Đất đá thải từ quá trình giải phóng mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 112.306 tấn.

- Phế thải (gạch hỏng, xi măng thừa, sắt, thép vụn...) từ quá trình xây dựng các công trình của Dự án phát sinh với khối lượng khoảng 1.255, 52 tấn.

#### *b) Giai đoạn vận hành*

- Chất thải rắn từ quá trình vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng, kỹ thuật gồm: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (khối lượng khoảng 1,071 tấn/tháng); bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải (khối lượng khoảng 20-25 tấn/năm); chất thải rắn từ quá trình dọn vệ sinh các tuyến đường nội bộ, chặt tỉa cây xanh cảnh quan (khối lượng khoảng 7,65 tấn/tháng); Bê tông nhựa thải từ quá trình sửa chữa đường giao thông nội bộ (khối lượng khoảng 90 m<sup>3</sup>/lần).

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng xây dựng các công trình thương mại – dịch vụ, công trình công cộng, sửa chữa nhà ở của người dân: khối lượng phát sinh tùy thuộc vào diện tích và quy mô xây dựng công trình.

#### *3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:*

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh với khối lượng khoảng 15-20 kg/tháng; thành phần chủ yếu là giẻ lau có dính dầu, que hàn, chất thải từ sơn...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh với khối lượng khoảng 15,21 kg/tháng; thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, giẻ lau dính dầu thải, dầu nhớt thải, pin, ắc quy chì thải...

### **3.3. Tiếng ồn, độ rung**

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển (phương tiện đi lại của công nhân, phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ thi công, xây dựng); hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ thi công trên công trường.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển của người dân, hoạt động xây dựng các hạng mục công trình trong khu vực Dự án.

### **3.4. Các tác động khác**

- + Tác động đến cảnh quan và hệ sinh thái khu vực.
- + Tác động đến chất lượng nước và hệ sinh thái của nhánh suối đi qua khu vực Dự án.
- + Tác động đến tình hình an ninh trật tự trong khu vực.
- + Tác động đến cơ sở hạ tầng, hoạt động giao thông trong khu vực.

+ Tác động do rủi ro, sự cố môi trường (sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải, sự cố sụt lún, sạt lở bờ suối), sự cố cháy nổ; tai nạn giao thông.

#### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

##### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

###### *4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải*

###### *a) Giai đoạn thi công, xây dựng*

- Nước thải sinh hoạt: Thuê 05 nhà dân gần khu vực thi công để phục vụ cho công nhân sinh hoạt và nghỉ ngơi, lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của công nhân được thu gom, dẫn về bể tự hoại để lưu chứa, xử lý sơ bộ; định kỳ thuê đơn vị có chức năng để hút bùn từ bể tự hoại đi xử lý theo quy định với tần suất 06 tháng/lần.

- Nước thải xây dựng: Thu gom vào 01 hồ lắng (thể tích 2 m<sup>3</sup>) sau đó tận dụng để tưới ẩm nhằm bảo dưỡng công trình xây dựng của dự án.

- Nước mưa chảy tràn: Thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường. Bố trí các mương thoát nước mưa tạm thời trong khu vực dự án và thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống mương thoát nước mưa để tránh hiện tượng ngập úng.

###### *b) Giai đoạn vận hành*

- Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Quy trình thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực vệ sinh của các khu nhà ở (liền kề, liền kề thương mại, biệt thự), nhà văn hóa, nhà mẫu giáo được thu gom vào hệ thống thoát nước thải của từng công trình, sau đó đưa về xử lý sơ bộ tại bể tự hoại. Nước thải sau xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Nước thải sinh hoạt từ khu thương mại dịch vụ, bếp ăn của nhà mẫu giáo (có chứa dầu mỡ) được xử lý sơ bộ tại các bể tách dầu mỡ và bể tự hoại, sau đó được thu gom dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Quy trình, công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Công suất 475 m<sup>3</sup>/ngày.đêm):

+ Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) → Song chắn rác thô → Bể thu gom → Bể lắng cát, tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng (Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0) → Xả vào nguồn tiếp nhận (Suối chảy qua trung tâm Dự án).



Suối chảy qua trung tâm Dự án chảy về điểm cuối là Hồ 31 (Hồ thủy lợi phục vụ tưới tiêu của người dân xung quanh, được UBND thị trấn Phước An thống nhất vị trí xả thải tại văn bản số 13/CV-UBND ngày 10/2/2023).

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn (thể tích 60,5 m<sup>3</sup>) để lưu chứa; định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lắp nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát; đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án theo đúng quy định. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT,

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,0); đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

#### *4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải*

##### *a) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công xây dựng*

- Ưu tiên xây dựng hàng mục tường rào bao quanh dự án để giảm thiểu tác động của quá trình xây dựng tới khu vực lân cận.

- Tận dụng lượng chất thải rắn xây dựng để san lấp mặt bằng, hạn chế vận chuyển ra ngoài Dự án.

- Tất cả các phương tiện, thiết bị tham gia thi công xây dựng và vận tải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực dự án được phủ bạt để hạn chế việc rơi vãi, phát tán chất thải trên đường vận chuyển; chở đúng tải trọng quy định; phun nước tưới ẩm nhằm giảm thiểu lượng bụi trên công trường với tần suất 02 lần/ngày vào mùa nắng.

- Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng phù hợp, có phủ bạt che chắn tránh phát tán gây ô nhiễm bụi.

##### *b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành:*

- Thực hiện vệ sinh, phun, tưới nước cho các tuyến đường giao thông nội bộ trong khu vực dự án.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín, định kỳ nạo vét, thu gom bùn tại hệ thống thu gom nước mưa, nước thải trong khu vực.

- Đảm bảo mật độ cây xanh công cộng đáp ứng theo các tiêu chuẩn quy định về quy hoạch và xây dựng.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng nhà ở của người dân, các khu thương mại...: Các hộ dân, Chủ đầu tư xây dựng các công trình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí trong quá trình thi công xây dựng theo quy định đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Giảm thiểu mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải:

+ Kiểm soát mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải thông qua thiết kế các bể xử lý (có nắp đậy kín, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định).

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình để hạn chế phát tán khí thải, mùi hôi; định kỳ bảo dưỡng, duy tu hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả.

+ Vị trí trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án được bố trí đảm bảo khoảng cách cách ly an toàn về môi trường theo quy định.

+ Lắp đặt và vận hành thiết bị xử lý mùi (công suất 800 m<sup>3</sup>/giờ, xác định theo công suất quạt hút) được thiết kế kèm theo hệ thống xử lý nước thải; quy trình xử lý mùi như sau:

Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung → quạt hút → thiết bị hấp phụ (chứa lớp vật liệu lọc than hoạt tính) → khí sạch xả thải ra môi trường.

*c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

## **4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại**

### *4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường:*

#### *a) Giai đoạn thi công:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực lán trại của công nhân; thực hiện thu gom, phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn thực phẩm: Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy (loại dung tích 120 lít) đặt tại khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt để lưu chứa chất thải thực phẩm, sau đó hợp đồng với đơn vị hoạt động dịch vụ môi trường của địa phương để thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày;

+ Đối với chất thải có thể tái sử dụng, tái chế được lưu chứa tạm thời vào 01 thùng chứa có nắp đậy (loại dung tích 120 lít) đặt tại khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, sau đó bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn xây dựng: Thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng, xà bần, vật liệu xây dựng hư hỏng, đất đá thải được thu gom, phân loại

và sử dụng để san lấp mặt bằng của Dự án. Lượng đất đá thải, phế liệu dư thừa được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định và theo thỏa thuận với chính quyền địa phương.

*b) Giai đoạn vận hành:*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các khu vực công cộng: Chủ đầu tư bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt chuyên dụng (loại 150 lít, có nắp đậy kín) dọc theo các tuyến đường nội bộ khu dân cư. Đơn vị nhận bàn giao quản lý khu dân cư có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật: Đơn vị nhận bàn giao quản lý, vận hành khu dân cư có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành nạo vét, thu gom bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung và đem đi xử lý định kỳ với tần suất 06 tháng/lần; thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý đối với chất thải từ quá trình chặt tỉa cây xanh, tu sửa đường nội bộ theo đúng quy định hiện hành.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xây dựng các công trình thương mại - dịch vụ, công trình công cộng, sửa chữa nhà ở của người dân: Đơn vị quản lý khu dân cư giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với nhà dân, Chủ xây dựng các công trình công cộng, thương mại – dịch vụ có trách nhiệm thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải xây dựng phát sinh theo quy định.

*c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, quản lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại (CTNH)*

*a) Giai đoạn thi công, xây dựng:* Thu gom các loại chất thải nguy hại lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt (dung tích từ 60-120 lít, có dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo quy định), bố trí khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại cạnh khu vực lán trại của công nhân. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

*b) Giai đoạn vận hành*

- Thực hiện thu gom, phân loại, quản lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ CTNH phát sinh từ các khu nhà ở: Các hộ dân có trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu chứa theo đúng quy định. Chủ dự án sẽ bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển xử

lý trong giai đoạn chưa bàn giao dự án. Sau khi bàn giao đơn vị quản lý dự án có trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng thu gom chất thải nguy hại theo quy định.

+ CTNH phát sinh từ công trình công cộng, thương mại dịch vụ: Đơn vị quản lý công trình có trách nhiệm thu gom, phân loại và bố trí khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại đảm bảo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý.

c) *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

#### *4.3.1. Giai đoạn thi công*

- Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đã được đăng kiểm đúng quy định trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Bố trí khoảng cách phù hợp đối với các thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn để tránh tác động cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

#### *4.3.2. Giai đoạn vận hành*

- Bố trí biển báo, phân luồng giao thông, quy định tốc độ tối đa các loại xe được lưu thông trên các tuyến đường nội bộ của Dự án.

- Xây dựng nội quy, quy chế sinh hoạt, hoạt động vui chơi giải trí trong khu dân cư.

- Trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

#### *4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường*

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

### **4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

#### *4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:*

##### *a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về xử lý nước thải:*

- Xây dựng, hoàn thiện các công trình theo đúng quy mô thiết kế, cao độ xây dựng công trình.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; thiết kế, lắp đặt sẵn các thiết bị dự phòng đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố về thiết bị của trạm xử lý nước thải để hệ thống luôn duy trì hoạt động.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án. Nhân viên vận hành xử lý nước thải phải được tập huấn về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.

*b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện, cháy nổ*

- Chủ đầu tư phải thiết kế công trình xây dựng và các hạng mục kỹ thuật đảm bảo yêu cầu về phòng cháy chữa cháy. Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy chữa cháy (PCCC) phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng công trình, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án phòng cháy, chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Thiết kế đường nội bộ đảm bảo phương tiện cứu hỏa đến được tất cả các vị trí của Dự án.

- Cấm biển cảnh báo, thường xuyên diễn tập phòng ngừa ứng phó sự cố hỏa hoạn, cháy nổ.

- Chỉ đưa Dự án vào vận hành khi được cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy chấp thuận theo đúng quy định của pháp luật.

*c) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố sụt lún, sạt lở bờ suối*

- Thi công đúng thiết kế và đảm bảo đúng kỹ thuật, đặc biệt chú ý tại các vị trí có nguy cơ xói lở, sụt lún đất như khu vực bờ suối.

- Lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra sụt lún, sạt lở.

- Thực hiện gia cố khu vực bờ suối bằng cách kê đá hộc xây vữa xi măng M100, đắp đất mái taluy phủ mái ô địa kỹ thuật 10cm trồng cỏ dày 12 cm (Kích thước ô địa kỹ thuật 287 x 320mm, chiều cao 10cm).

*4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:*

- Bố trí hệ thống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn dẫn về suối chảy qua khu vực dự án và cuối cùng thoát về Hồ 31.

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước của khu vực; phối hợp với chính quyền địa phương để khắc phục hiện tượng ngập, úng trong trường hợp hoạt động của Dự án làm ngập, úng khu vực lân cận.

- Thu gom, xử lý triệt để lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án, đảm bảo nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,0) trước khi xả thải để tránh ảnh hưởng đến chất lượng nước và hệ sinh thái của suối chảy qua Dự án và Hồ 31. Nghiêm cấm xả nước thải chưa qua xử lý xuống suối gây ô nhiễm nguồn nước.

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, cán bộ công nhân viên của Dự án; phối hợp với cơ quan chức năng để đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực Dự án.

## **5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án**

### **5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công và xây dựng**

#### *5.1.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh:*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong quá trình triển khai xây dựng.
- Vị trí: 02 điểm (Tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động xây dựng của Dự án, về phía cuối hướng gió).
- Thông số: Tiếng ồn, Bụi tổng số, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

#### *5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại:*

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi khi phát sinh chất thải) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.
- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

#### *5.1.3. Giám sát khác:*

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: Công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, sự cố sụt lún, sạt lở bờ suối, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường có thể xảy ra.
- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

### **5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án**

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy

định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

### **5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án**

#### *5.3.1. Giám sát nước thải*

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Vị trí giám sát: 01 vị trí sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng, sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), amoni (tính theo N), nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) (tính theo P), tổng Coliforms.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K =1,0)

#### *5.3.2. Giám sát nước mặt*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 02 điểm (01 điểm tại suối đi qua Dự án, cách điểm xả nước thải 50m về phía hạ nguồn; 01 điểm tại Hồ 31).

- Thông số quan trắc: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, DO, Tổng chất rắn lơ lửng, Amoni, Phosphat, Tổng dầu, mỡ, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

#### *5.3.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại*

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (Theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các đơn vị quản lý các khu nhà ở, công trình công cộng, thương mại - dịch vụ có trách nhiệm giám sát việc phân loại, thu gom, quản lý và xử lý chất thải phát sinh theo đúng quy định hiện hành. Đơn vị được bàn giao quản lý Dự án sẽ có trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện thu gom và xử lý chất thải của các đơn vị này.

#### *5.3.4. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác*

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún, sạt lở bờ suối và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác PCCC; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về thu gom và xử lý nước thải, PCCC, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác liên quan.

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

Chủ dự án, đơn vị quản lý vận hành dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng theo đúng quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sự phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành dự án.

6.4. Phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình triển khai Dự án; chỉ được phép đổ thải các loại đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận; thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải và các yêu cầu khác của địa phương theo quy định.

6.5. Xây dựng các công trình xử lý chất thải; mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án theo đúng quy định tại Điều 39, Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

6.6. Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A) trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.



6.7. Đảm bảo khoảng cách, hành lang an toàn trong khu vực Dự án và các đối tượng xung quanh, đảm bảo an toàn lộ giới theo đúng quy định của pháp luật.

6.8. Tuân thủ các quy định hiện hành bảo tồn đa dạng sinh học, tài nguyên nước, các quy định về PCCC, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.9. Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.10. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện nghiêm chương trình quản lý, giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.11. Giám sát các hoạt động xây dựng và vận hành của các Dự án thứ cấp đầu tư trong Dự án đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.12. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.